

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 10/2018/HS-ST

Ngày 10 – 4 – 2018

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Diệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Phước Trung.

Bà Trần Thị Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T - sinh năm 1990 tại xã TB, huyện PH, tỉnh H. Nơi cư trú: Ấp TT, xã TB, huyện PH, tỉnh H; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S và bà Đoàn Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 14/01/2008 bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản thể hiện tại bản án hình sự sơ thẩm số 03/2008/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong, đã được xóa án tích. Bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Trần Ngọc P – sinh ngày 02/11/2002 (có mặt).

Địa chỉ: KP 1, thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh KG

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1977 (có mặt);

Địa chỉ: KP 8, thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh KG

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Ông Huỳnh Cao C – Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hậu Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 02/2017, Nguyễn Thành T đến làm thuê cho bà Nguyễn Thị H ở tổ 7, KP 8, thị trấn AT, huyện PQ, tỉnh KG. Trong thời gian làm thuê tại đây, T

và Trần Ngọc P, sinh ngày 02/11/2002 (con bà H) có nảy sinh tình cảm yêu thương với nhau, đến khoảng giữa đầu tháng 3/2017, T nghỉ làm và về quê ở xã TB, huyện PH, tỉnh HG.

Đến ngày 13/3/2017, P gọi điện thoại liên lạc và hẹn T đến bến xe thành phố CT đón P. T mượn xe mô tô của Lê Vũ Th (bạn của T) ở ấp 1A, thị trấn MN, huyện CTA, tỉnh H đi đón và đưa P về nhà của Th để nghỉ. Đến khoảng 01 giờ ngày 14/3/2017, tại phòng ngủ của nhà Th, được sự đồng ý của P, T đã 02 lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với P. Vào khoảng 13 giờ ngày 02/4/2017, T và P đến thuê phòng tại nhà trọ PL thuộc xã TH, huyện PH, tỉnh H, tại đây, được sự đồng ý của P, T đã 02 lần thực hiện hành vi quan hệ tình dục với P. Đến ngày 20/4/2017, bà Nguyễn Thị H tìm gặp P và phát hiện sự việc nên đến Công an huyện CTA tố giác sự việc.

Ngoài ra, bị hại P khai nhận T đã thực hiện hành vi giao cấu với P 02 lần vào ngày 15/3/2017 tại nhà trọ TB ở ấp 4, thị trấn NM, huyện VT và ngày 01/4/2017 tại nhà trọ NT ở xã TH, huyện PH, tỉnh HG. Tuy nhiên, T không thừa nhận và Cơ quan điều tra không chứng minh được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 26/TD ngày 19/5/2017 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh HG kết luận đối với Trần Ngọc P như sau: Màng trinh rách cũ vị trí 3 giờ, 4 giờ, 8 giờ.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số: 2475/C54B ngày 20/7/2017 của Phân Viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Cục Cảnh sát kết luận: Tại thời điểm giám định (tháng 7 năm 2017) Trần Ngọc P có độ tuổi từ: 15 năm 09 tháng đến 16 năm 03 tháng.

Tại Cáo trạng số 04.CT-VKSCTA ngày 02/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội Giao cấu với trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội danh và điều luật như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội Giao cấu với trẻ em. Áp dụng: Điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung 2009; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự (do bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có trình độ học vấn thấp); đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng Điều 584, Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 590; Điều 592 buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm, uy tín bị xâm phạm cho bị hại với số tiền 13.000.000đồng. Tách yêu cầu trả số tiền 15.000.000đồng do bị hại cho bị cáo vay thành vụ kiện dân sự khác giải quyết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị cáo trình bày ý kiến tranh luận: Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt. Về phần trách nhiệm dân sự: Yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường 13.000.000đồng của bị hại do bị cáo không có khả năng bồi thường. Bị cáo đồng ý bồi thường 6.000.000đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại trình bày ý kiến tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 115; điểm e, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 10 năm tù. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều

46 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, do bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải, quanh co chối tội tại phiên tòa. Trình độ học vấn thấp nhưng bị cáo vẫn hiểu biết pháp luật và cố ý vi phạm.

Bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận chỉ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo vay của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc khởi tố, điều tra của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang; việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự 2003; Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, Nguyễn Thành T đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết và nhận thức chưa đầy đủ về mọi mặt đời sống xã hội của Trần Ngọc P để thực hiện hành vi quan hệ tình dục với P. Quá trình điều tra chứng minh được T đã 04 lần thực hiện hành vi giao cấu với P. Cụ thể là vào khoảng 02 giờ sáng ngày 14/3/2017 tại nhà của Lê Vũ Th thuộc ấp 1A, thị trấn MN, huyện CTA, tỉnh H, T đã 02 lần thực hiện hành vi giao cấu với P. Vào khoảng 13 giờ ngày 02/4/2017 tại nhà trọ PL thuộc ấp PK, xã TH, huyện PH, tỉnh H, T đã giao cấu với P 02 lần.

[3] Tại kết luận giám định pháp y về tình dục số 26/TD ngày 19/5/2017 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hậu Giang đối với Trần Ngọc P kết luận “Màng trinh rách cũ, vị trí 03 giờ, 4 giờ, 08 giờ.

[4] Tại kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2475/C54B ngày 20/7/2017 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã giám định và kết luận: Tại thời điểm giám định (tháng 7 năm 2017) Trần Ngọc P có độ tuổi từ 15 năm 09 tháng đến 16 năm 03 tháng. Như vậy, tại thời điểm bị T thực hiện hành vi giao cấu vào ngày 14/3/2017 thì P có độ tuổi từ 15 năm 05 tháng đến 15 năm 11 tháng tuổi. Căn cứ Điều 417 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 xác định đối với lần thực hiện hành vi giao cấu ngày 02/4/2017 Trần Ngọc P đã đủ 16 tuổi nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi này.

[5] Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội Giao cấu với trẻ em theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[6] Đối với ý kiến của bị cáo cho rằng khi thực hiện hành vi quan hệ tình dục với bị hại thì bị cáo không biết bị hại chưa đủ 16 tuổi là không có căn cứ chấp nhận. Đối chiếu lời khai bị cáo tại phiên tòa với lời khai bị cáo trong quá trình điều tra, bị cáo thừa nhận khi quen biết P, bị cáo biết rõ P chưa đủ 16 tuổi nhưng do bị cáo hút ma túy đá nên mới quan hệ tình dục với P. Do đó, lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện sự quanh co chối tội. Đối với hành vi của Nguyễn Thành T, Lê Vũ Th đã mua ma túy về sử dụng trái phép nhưng Th đã bỏ địa phương đi chưa điều tra làm rõ, nên kiến nghị cơ quan điều tra tiến hành điều tra làm rõ xử lý sau.

[7] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo là người đã thành niên, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Về động cơ, mục đích phạm tội: Bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ quen biết với bị hại, biết bị hại chưa đủ 16 tuổi nên bị cáo đã lợi dụng sự thiếu hiểu biết

của P về tình cảm nam nữ, bị cáo đã dùng lời lẽ yêu thương để thuyết phục P, để P đồng ý cho bị cáo thực hiện hành vi quan hệ tình dục nhằm thỏa mãn dục vọng chứ không xuất phát từ tình cảm yêu thương. Ngoài ra, quá trình chung sống T còn lợi dụng tình cảm, sự non trẻ của bị hại, để thuyết phục bị hại tự nguyện cho bị cáo mượn vàng nữ trang mang đi cầm cố, bán để lấy tiền tiêu xài vào mục đích cá nhân như mua ma túy sử dụng, chơi game, mời bạn bè uống rượu...

[8] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần của trẻ em được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của Trần Ngọc P nên cần có mức án nghiêm trọng xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt.

[9] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội nhiều lần, tình tiết này đã là yếu tố định khung nên không xem là tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã dùng lời lẽ thuyết phục và bị hại tự nguyện cho bị cáo thực hiện hành vi quan hệ tình dục nên không phải hành vi cố ý thực hiện hành vi phạm tội đến cùng nên không chấp nhận đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm e, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với bị cáo theo đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo có quan hệ, chưa tỏ ra ăn năn hối cải. Tuy nhiên, bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo có trình độ học vấn thấp, có thiện chí khắc phục một phần hậu quả cho bị hại với số tiền 6.000.000đồng nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại yêu cầu bồi thường thiệt hại về tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm theo quy định pháp luật với số tiền 13.000.000đồng. Bị cáo chỉ đồng ý bồi thường 6.000.000đồng. Hội đồng xét xử căn cứ quy định Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 592 Bộ luật dân sự 2015 xét thấy, bị hại là người chưa thành niên, việc bị cáo thực hiện hành vi quan hệ tình dục rồi bỏ trốn, bỏ mặc không quan quan tâm, chăm sóc, hành vi này đã gây hụt hẫng về tinh thần, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của bị hại nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại với mức 10 tháng lương cơ sở x 1.300.000đồng = 13.000.000đồng.

[12] Đối với yêu cầu bị cáo trả số tiền 15.000.000đồng do bị cáo đã vay của bị hại. Quá trình điều tra và tại phiên tòa chứng minh được khi bị cáo hỏi vay tiền, vàng thì bị hại hoàn toàn tự nguyện. Xét thấy đây là giao dịch dân sự khác, căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tách yêu cầu này giải quyết thành vụ kiện khác. Bà Nguyễn Thị H và Trần Ngọc P có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền khi có đủ điều kiện khởi kiện.

[13] Từ những phân tích nêu trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị là có căn cứ một phần nên chấp nhận một phần.

[14] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm a khoản 2 Điều 115; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung 2009; Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội Giao cấu với trẻ em.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thành T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 592 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Trần Ngọc P số tiền 13.000.000đồng (mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày bị hại có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ thì bị cáo còn phải chịu lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ theo Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Tách yêu cầu của bị hại yêu cầu bị cáo trả số tiền 15.000.000đồng thành vụ kiện dân sự khác. Bà Nguyễn Thị H và Trần Ngọc P có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác tại Tòa án có thẩm quyền khi có đủ điều kiện khởi kiện.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 650.000đồng (sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp cho bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- CQ CSĐT Công an h.Châu Thành A;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Diệu